

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HS-ST
Ngày 28 – 04 -2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 14/04/2020 đối với bị cáo:

Trịnh Quang T; Sinh năm: 1992; Tại: tỉnh Thanh Hóa; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; con ông Trịnh Quang C (sinh năm 1968) và bà Nguyễn Thị Đ (sinh năm 1966); bị cáo có vợ: R'Mah H, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2018; tiền án: 01, Ngày 05/10/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa được xóa án tích); tiền sự: không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Đức – Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Trần Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966; Địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt tại phiên tòa;

2. Dịch vụ Chăm đồ P; Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Người được ủy quyền: Anh Hồ H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ ngày 09/01/2020, Trịnh Quang T điều khiển xe mô tô (loại xe độ chế, mượn của bà Nguyễn Thị Đ là mẹ ruột của T) đến nhà anh Đỗ Văn N trú tại

Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông để thuê máy cày đất nhưng không gặp. Trên Đ về, T phát hiện nhà anh Trần Văn T (trú cùng thôn với anh N) khóa cửa không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. T dựng xe ở lề Đ rồi đi bộ ra phía sau nhà anh T lấy 01 cái cuốc, phá cửa rồi vào trong nhà lục tìm lấy trộm được một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 Star rồi đưa đến thôn B, xã Đ, huyện T cầm cố cho tiệm cầm đồ P được 3.000.000 đồng. Đến ngày 11/01/2020, anh T phát hiện bị mất tài sản nên đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Tuy Đức để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 17/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 Star màu trắng, đen có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Vật chứng của vụ án: quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã thu giữ và trả lại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 Star màu trắng, đen và 01 chiếc cuốc cũ đã gây cản cho anh Trần Văn T là chủ sở hữu hợp pháp; 01 chiếc xe máy (loại xe cào đã độ chế) không có số khung, số máy, biển số và màu sơn cho bà Nguyễn Thị Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải trả số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Tại Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 09/03/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức truy tố bị cáo Trịnh Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông truy tố là đúng, không oan.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vào khoảng 09 giờ, ngày 09/01/2020, tại Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Trịnh Quang T đã có hành vi dùng cuốc bằm sắt cạy cửa vào nhà anh Trần Văn T trộm cắp chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung A8 Star có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Sau đó T đến thôn B, xã Đ, huyện T cầm cố cho tiệm cầm đồ P được 3.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trịnh Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm. Tuy nhiên, quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trịnh Quang T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2020.

* Về vật chứng của vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã trả lại: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 Star màu

trắng, đen và 01 chiếc cuốc cũ đã gãy cán cho anh Trần Văn T là chủ sở hữu hợp pháp; 01 chiếc xe máy (loại xe cào đã độ chế) không có số khung, số máy, biển số và màu sơn cho bà Nguyễn Thị Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Trần Văn T và người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên không đề cập giải quyết.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi liên quan là Dịch vụ cầm đồ P (Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Người được ủy quyền: Anh Hồ H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông) số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Phản tranh luận bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kết thúc phản tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Đức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng, của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển mọi hành vi của bản thân trong cuộc sống. Bị cáo cũng như pháp luật buộc các bị cáo phải biết tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ. Song do ý thức coi thường pháp luật, lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài nên vào khoảng 09 giờ, ngày 09/01/2020, tại Thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông, Trịnh Quang T lợi dụng lúc gia đình anh Trần Văn T không có người ở nhà đã có hành vi dùng cuốc bằng sắt cạy cửa, đột nhập vào nhà anh T trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung A8 Star có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Sau đó T đến thôn B, xã Đ, huyện T cầm cố cho tiệm cầm đồ P được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Vì vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trịnh Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể:

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...”.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến tài sản của anh Trần Văn T. Do vậy, HĐXX xét thấy để đảm bảo việc giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành nghiêm pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ mà bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục phạm tội. Bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình trở thành công dân có ích. Song tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 Star màu trắng, đen; 01 chiếc cuốc cũ đã gãy cán và 01 chiếc xe máy (loại xe cào đã độ chế) không có số khung, số máy, biển số và màu sơn Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy Đức đã trả lại cho anh Trần Văn T, bà Nguyễn Thị Đ là chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ nên không đề cập giải quyết.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Trần Văn T và người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị Đ đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên không đề cập giải quyết.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi liên quan là Dịch vụ cầm đồ P (Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Người được ủy quyền: Anh Hồ H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông) số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Đối với anh Hồ H không biết chiếc điện thoại di động do bị cáo trộm cắp mà có và bà Nguyễn Thị Đ không biết bị can sử dụng xe mô tô của mình vào việc trộm cắp nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức về phần hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc vì nên HĐXX xét thấy cần tuyên phạt bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Quang T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị

cáo Trịnh Quang T 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người có quyền lợi liên quan là Dịch vụ cầm đồ P (Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Hải Đ, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Người được ủy quyền: Anh Hồ H, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông) số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14: Buộc bị cáo Trịnh Quang T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNV C.a tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- THADS huyện T Đ;
- CA huyện Tuy Đức;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có qnlvq;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Văn Hồng

